

# DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

## QUYỂN 5

### PHẨM: ĐỆ TỬ

(Phần 5)

Năm là Phật bảo ngài Phú-lâu-na. Văn cũng có hai phần: Phật sai thăm bệnh và đáp lời không kham.

- Sai đi thăm bệnh. Sở dĩ sai Phú lâu na, vì ngài là thuyết pháp bậc nhất trong hàng đệ tử Phật. Phú-lâu-na là họ, lấy họ làm tên, Hán dịch là Thiện tri thức. Di-đa-la-ni là tên mẹ, Hán dịch là Mãn nguyện. Mãn nguyện sinh ra nên gọi là Mãn nguyện tử. Sở dĩ phải thêm tên mẹ vào để phân biệt các tên khác. Ngài là hàng hạ căn mới được thọ ký ở thời Pháp Hoa, nhưng sai ngài thì hoặc vì ngài ở gần Phật, hoặc vì cơ duyên thuận tiện, nên sai trước. Vì sao? Vì ngài có biện tài trang nghiêm, văn từ sắc bén nói năng lưu loát, đẹp lòng mọi người, nếu sai ngài truyền ý chỉ Phật ắt chúng sẽ đồng tình kính trọng, nên sai ngài trước. Như khi Phật nói Đại Phẩm thì chỉ sai ngài Thân Tử, ngài Thiện Cát và ngài Phú-lâu-na. Khi chuyển nói Bát-nhã Đại luận thì đã sàng lọc đầy đủ để thâm cầu nghĩa rốt ráo, cho đến thành tựu năm thứ lợi ích trước.

- Đáp lời không kham Từ “Phú-lâu-na trở xuống. Văn có bốn:

1. Đáp lời không kham.
2. Nói lý do không kham.
3. Chính kể việc không kham “chê trách”.
4. Kết thành không kham.

\* Đáp lời không kham: Bởi vì thuở xưa nói pháp trái cơ, đến nỗi bị chê trách, nên không kham truyền ý chỉ Phật.

\* Nói lý do không kham “Sở dĩ” đến “thuyết pháp”: Do xưa ở dưới cội cây nói pháp cho Tỳ-kheo mới học.

Dưới cội cây là chỉ nơi nói pháp, hoặc có biểu thị, xem lại phần Thân Tử sẽ rõ.

Mới học là người mới phát tâm ở tam thừa. Nhưng các vị Tỳ-kheo

này thuộc cơ Đại thừa, không xét quán kỹ mà vọng nói pháp Tiểu thừa, đây không nêu lời nói pháp, xét trong kinh sẽ rõ. Văn nói rằng: Muốn đi đường lớn chớ chỉ đường tắt nhỏ. Đường tắt tức đường Tiểu thừa đang đi. Đây trái với Đại cơ nên bị chê trách. Nguyên do không kham là do trái cơ.

\* Chính kể việc chê trách: Văn có bảy phần: Một là, trách nói pháp sai cơ; hai là, kết lỗi; ba là, ngài Tịnh Danh nhập định như các Tỳ-kheo; bốn là các Tỳ-kheo tâm chí khai phát; năm là, ngài Tịnh Danh nói pháp cho họ; sáu là, các Tỳ-kheo được bất thoái chuyển; bảy là, Phú-lâu-na kính ghi nhận.

- **Phân một** có bốn:

- a) Trách không quán bốn tâm.
- b) Trách không biết tâm niệm.
- c) Trách không quán căn nguyên.
- d) Trách không quán ưa thích.

Bốn điều trách này suy nghĩ tức dùng bốn Tất-đàn Đại thừa .

- Không biết bốn tâm, tức là tâm tự tánh thanh tịnh, tức Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Đại kinh có nói: Chánh nhân Phật tánh là tâm chúng sinh.

- Không biết tâm niệm, tức vị nhân Tất-đàn, người có ác niệm tu không đồng. Nên kinh Pháp Hoa có nói nghĩ việc gì, tu việc gì...

- Không biết căn nguyên, tức là đối trị Tất-đàn, như người có lợi căn mà bị ngăn cản nên không khai phát, nếu đối trị mà phá ngăn cản thì công dụng liền phát.

- Không biết ham thích, tức là thế giới Tất-đàn. Nếu người thích nghe Đại thừa thì phương tiện nói tất cả pháp, đều dùng danh tự thế gian mà phân biệt. Nhưng theo thứ lớp bốn Tất-đàn thì Đệ nhất nghĩa ở sau, nay đổi ra trước, là bỏ gốc cũ. Mãn nguyện không dùng bốn Tất-đàn nên có lỗi sai cơ.

Trách không quán bốn tâm. Phạm muốn nói pháp cần phải xét về đế, nếu không nhập định tất không thấy được căn duyên, đến nỗi có lỗi sai cơ. Do đó mà chê trách trước không nhập định để quán xét tâm Tỳ-kheo, nên không thấy họ đã phát Đại thừa từ lâu, mà lại vọng nói Đệ nhất nghĩa Tiểu thừa.

Hỏi: Nhập những định nào để biết được căn duyên?

Đáp: Định có tám thứ.

1. Ngoại đạo căn bản ám chứng, vốn không phải chiếu cơ, nếu nhập vào định này thì không thể biết căn duyên.

2. Phạm phu ngoại đạo nếu đoạn chương thì cũng không biết, tuy được tha tâm nhập định thì chỉ biết được tâm niệm của người khác mà không biết được căn duyên.

3. Tuệ giải thoát của Tam tạng giáo, người được tám thứ định của hữu tác Tứ đế, thứ này vốn duyên lý cũng không thể biết được căn duyên.

4. Câu giải thoát của giáo này, người được căn bản thiền mà quán luyện huân tu, phát tha tâm trí, nhưng cũng chỉ biết tâm niệm của người khác, mà không biết căn duyên.

5. Tuệ giải thoát của thông giáo, tu tám định của vô sinh Tứ đế, đây cũng là duyên lý mà không thể chiếu cơ.

6. Câu giải thoát của Giáo này, người được thiền căn bản mà quán luyện huân tu, phát tha tâm trí cũng chỉ biết được tâm người khác, mà không thấy được căn duyên, Bồ-tát cũng thế.

7. Bồ-tát của Biệt giáo tu tám định của vô lượng Tứ đế, nếu nhập định này thì biết được tâm niệm của người khác cũng thấy được căn duyên của mọi người.

8. Bồ-tát của Viên giáo, tu tám định vô tác, Tứ đế tịnh mà thường chiếu, biết được tâm niệm và các căn duyên. Sáu thứ trước là Không biết, hai thứ sau là biết. Nay xét hai thứ sau đều biết về tâm niệm và căn duyên mà chê trách kia không nhập vào hai định này.

Hỏi: Tâm và căn duyên có gì khác?

Đáp: Biết tâm chỉ là tha tâm trí, phạm phu và Tiểu thừa đều có, còn biết căn duyên là đạo chủng trí, Biệt giáo mới có, Thông giáo thì không, huống là hàng phạm Tiểu.

Hỏi: Nếu thế, ngài Tịnh Danh sao được chê trách không biết tâm?

Đáp: Chủng trí thì biết căn duyên, nhân đó cũng biết tâm người khác, cho nên ở sau căn cứ theo thứ lớp không biết tâm mà chê trách.

Hỏi: Vô lượng và vô tác biết căn khác nhau thế nào?

Đáp: Tám định của vô lượng từ Không vào Giả phát Đạo chủng trí thì biết được căn của vật. Đây là duyên tu mà làm hiển sáng chân tu, không phải là định mà mặc tình chiếu khắp. Còn vô tác là chân tu, tịch mà thường chiếu, không dùng hai tướng khắp thấy các cõi, tức là tướng Bất nhị mà chiếu khắp các căn duyên.

Hỏi: Nếu thế sao được khuyên ngài Mãn Nguyệt nhập định này?

Đáp: Lời nói này giống như đem tám định của Biệt giáo để đối phá hàng Nhị thừa không quán căn duyên của người, nên nói trước phải

nhập định. Viên giáo thì không có tướng nhập và xuất. Hoặc là pháp để giúp phương tiện nói nhập. Lại nữa, tâm tâm tự nhiên lưu nhập mới là chân nhập.

Không đem đồ ăn dơ đặt trong bát báu, đây là đã phát đại tâm từ lâu xa. Đại tâm tức là pháp tánh chân tâm, ra ngoài pháp tánh không có chân tâm nào khác. Bát báu, tức tâm Bồ-đề như báu vật dung chứa Phật pháp, như bát báu này, tức là Đại thừa khí thế gian vậy. Đồ ăn dơ, tức là pháp hủy thiền duyệt của Tiểu thừa, mang chất dơ trần sa vô minh. Ngài Mãn Nguyên vì không nhập định, quán các đồ đựng báu đại tâm của các Tỳ-kheo mà nói cho họ nghe thức ăn pháp hủy thiền duyệt Tiểu thừa thì không thể được.

Trách không nhập định không biết tâm niệm, niệm tức là nghĩ nhớ tính toán, các Tỳ-kheo ấy đã từng phát tâm Đại thừa tu các hạnh lục độ. Đời nay dầu mất nhưng vẫn còn tập nhân nên dùng Đại thừa mà nói để họ phát sinh hạnh xưa, tại sao lại dùng Tiểu thừa nói tiểu pháp cho họ, như ngài Thân Tử có lỗi khi dạy hai đệ tử. Đại thừa chân thật được dụ cho lưu ly, còn Tiểu thừa không thật thì dụ như thủy tinh, không phải vật báu thật.

Trách không nhập định trước để biết căn nguyên, là các Tỳ-kheo ấy từ lâu đã gieo trồng thiện pháp gọi là căn, vốn xưa gặp Phật và phát tâm nên gọi là nguyên. Ngài Mãn Nguyên đã không nhập tam định vô lượng vô tác, nên không thấy được căn nguyên của các Tỳ-kheo có che chướng, đáng lẽ nói Đại thừa đối trị, vì sao lại vọng nói tiểu đối trị, khiến họ chán khổ mà cầu diệt độ, người ta không bệnh chớ gây tổn thương, tức thí dụ đã sáng tỏ. Các Tỳ-kheo này phát tâm Đại thừa đến nay đã tạo những căn lành nào đều chưa có ý đấm trước pháp bệnh Tiểu thừa. Bồng nói cho họ pháp Tiểu khiến họ sinh niệm đấm trước, tức làm tổn thương căn thiện pháp Đại thừa.

Trách không biết sự ham thích Từ “dục hành... lửa đóm”, các Tỳ-kheo này ham thích Đại thừa thì phải nói thế giới Đại thừa để thành tựu sự ham thích, sao lại nói thế giới Tiểu thừa làm hư lòng ham thích Đại thừa. Căn, dục, tánh này là ba lực trong mười lực. Căn là quá khứ, dục là hiện tại, tánh là vị lai. Trong đây chỉ nói về căn và dục mà không luận về tánh, vì căn lành chưa thành thì ham thích cũng thay đổi được, tức chưa thành tánh vậy. Nên Đại luận có nói dục gọi là tùy duyên mà khởi, còn tánh thì tâm thâm sâu làm việc. Nếu thiện căn ở quá khứ thành tựu bền chắc thì đời này gặp duyên liền khởi. Đây là nhân tánh thành dục. Nếu các thiện căn ở quá khứ chưa bền chắc mà đời này gặp duyên khởi

ham muốn. Tập luyện nhiều tất thành tánh, cho nên nói tánh là Không thể sửa đổi. Dục và tánh có liên quan nhau, nên trách không biết ham thích “Dục) là gồm nói cả tánh. Đây có ba dụ, tức là ba thứ tâm ham thích Đại thừa.

Một là, Ham thích đi đường lớn thì đừng chỉ bày đường nhỏ tắt. Đây là thí dụ muốn quán thật tướng pháp thân Vô thượng đại đạo, tức trí độ đại đạo Phật gọi Thiệu lai. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo này đã có tâm ham thích tìm cầu tâm thật tướng, mà ngài Mãn Nguyên chỉ nói cho pháp chữ Bán, tức chỉ bày đường nhỏ vậy.

Hai là, Chở đem để nước cả biển lớn mà để ở lỗ chân trâu. Đây là thí dụ muốn tu công đức vạn hạnh Đại thừa. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo này muốn tu vạn hạnh đại Từ, đại tâm tức là biển lớn. Ngài Mãn Nguyên đã nói đạo phẩm Tiểu thừa tức lỗ chân trâu, khiến cho người vốn có Đại tâm lại tu tiểu hạnh tức là nước cả biển lớn để ở lỗ chân trâu.

Ba là, Chở cho ánh sáng mặt trời đồng với lửa đom đóm, đây là thí dụ dùng vô tác Tứ đế Nhất thiết chủng trí Đại thừa sánh với hữu tác Tứ đế Nhất thiết trí Tiểu thừa. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo này muốn cầu Nhất thiết chủng trí của Đại thừa mà ngài Mãn Nguyên lại nói Nhất thiết trí tuệ của Tiểu thừa.

Nếu nói thấy chân là đồng thì lý phải cùng đồng. Song lấy ánh sáng mặt trời mà so với lửa đom đóm là Không được. Tóm tắt có năm nghĩa:

- Ánh sáng còn trùng không phải là ánh sáng báu.
  - Sáng nhấp nháy không dừng.
  - Phá tối ít.
  - Chỉ sáng trong đêm.
  - Không lợi ích gì nên không thể bì được với ánh sáng mặt trời.
- Bởi ánh sáng mặt trời thì:
- Ánh sáng báu.
  - Sáng mãi không nhấp nháy.
  - Phá tối tận khắp nơi.
  - Tự soi và soi vật khác.
  - Tất cả đều nhờ ơn nguồn sáng ấy.

Hợp năm thí dụ trên ấy thấy rõ. Các Tỳ-kheo có đủ ba thứ dục này ắt thành ba đức bí tạng. Vì sao? Vì đường lớn tức là Pháp thân, ánh sáng mặt trời tức là Bát-nhã, vạn hạnh tức là Giải thoát, đâu thể đem ba dục của Tiểu thừa mà sánh được ư? Lại nữa, ngài Mãn Nguyên không biết bốn tâm này, không thể thấu suốt từ xa xưa gặp Phật đến nay có tâm

số căn dục này, ở khoảng giữa đã quên đi bốn tâm, tuy có nhưng chưa quyết định. Nếu nghe Đại thừa thì đại tâm liền phát do nhờ các thiện căn đời trước giúp cho bất thoái chuyển. Đã là bất định, nếu nghe nói Tiểu thừa liền theo Nhị địa, nên không thể được.

**Phần hai,** Kết lỗi Từ “Phú-lâu-na trở xuống: Văn có hai: Một là, chánh kết lỗi chê trách; hai là, thí dụ làm sáng tỏ.

a) Chánh chê lỗi: Ở quá khứ gặp Phật đã phát bốn tâm trước, ở khoảng giữa lại quên mất ý này. Từ đấy trở đi phải trải bao sinh tử, tuy bị báo chướng ngăn cản, nhưng vẫn có thể phát, sao lại đem Tiểu thừa bốn Tất-đàn mà dẫn dắt khiến trái ý xưa.

Hỏi: Thiện căn ngày xưa nhất định mất hay không mất?

Đáp: Tuy quên mà không mất. Nên kinh Pháp Hoa có nói: Không biết trong áo mình có hạt bảo châu vô giá. Kinh lại nói: Một câu nhiệm thần trí muôn kiếp không phai mờ.

b) Thí dụ làm rõ việc kết lỗi Từ “Ngã quán... lợi độn”. Trí Tiểu thừa nhỏ cạn, quán sinh diệt thấy chân thì gọi là Nhất thiết trí. Trí này không đoạn dứt trần sa vô minh, lại không thể thấy được các căn duyên của mọi người. Không thể viên chiếu pháp giới nên gọi là nhỏ, như thỏ bơi qua sông không đụng đáy thật tướng nên gọi là cạn. Cũng như người mù không thể phân biệt, là hàng Nhị thừa chỉ có ba thứ nhục nhãn, Thiên nhãn và tuệ nhãn mà không có pháp nhãn, nên không thấy được căn duyên. Không có Phật nhãn nên không thấy được Phật tánh. Không có căn Bồ-tát đối ba đế trần sa không phát ba trí, tâm không thấu suốt nên như kẻ mù. Lại như người mù bẩm sinh, tức hàng Nhị thừa có nhục nhãn mà không như lục căn tịnh của Pháp Hoa nói một lúc thấy cả sắc mùi pháp giới của tam thiên giới nên như mù. Hàng Nhị thừa có Thiên nhãn nếu tác ý có thể thấy được thiên giới cho đến đại thiên. Còn chư Phật và Bồ-tát có chân Thiên nhãn, không dùng hai tướng mà thấy các cõi Phật. Hàng Tiểu thừa không có thứ này, nên như kẻ mù. Nếu Tuệ nhãn của Bồ-tát thấy ít Phật tánh và không rõ ràng thì tuệ nhãn của hàng Tiểu thừa đều không thấy được. Vì chỉ thấy ở không tức là mù. Tuệ nhãn của chư Phật như mười sáu Vương tử khen ngợi nguyện được tuệ nhãn Đệ nhất tịnh như Thế Tôn. Nên biết Nhị thừa hoàn toàn không có năm nhãn, nên nói như mù. Nếu không có năm nhãn thì không thể phân biệt căn lợi độn của chúng sinh đối với ba đế lý.

**Phần ba,** Ngài Tịnh Danh nhập định gia hộ các Tỳ-kheo Từ “thời Duy-ma-cật... Tam-bồ-đề”. Sở dĩ phải gia hộ là vì muốn khiến họ nhớ lại đời trước đã ở trước năm trăm Đức Phật phát tâm tu hành hồi hướng

đại đạo.

**Phần bốn**, Các Tỳ-kheo lại được bốn tâm “tức thời” trở xuống Văn có hai: Một là nói được bốn tâm; hai là chí kính.

1) Dùng sức Tam-muội gia hộ các Tỳ-kheo khiến ngộ lại việc tu bốn tâm thuở xưa, nên nói được lại bốn tâm.

2) Các Tỳ-kheo kính lễ. Ngài Mãn Nguyên đã sai cơ nên quần quanh vô ích, nay nhờ gia hộ liền biết việc đời trước, thiện căn khai phát cảm ân trọng hậu thẹn thùng đánh lễ.

Hỏi: Xuất gia sao lại lạy người tục?

Đáp: Vào được đạo thì ân sâu dù nát thân cũng khó đền đáp. Các Tỳ-kheo này mới tu đại đạo đâu cần giữ tiểu nghi.

**Phần năm**, Ngài Tịnh Danh nói pháp cho nghe “Thời Duy-ma-cật” trở xuống chính dùng Đại thừa bốn Tất-đàn nói pháp cho bốn tâm.

**Phần sáu**, Các Tỳ-kheo được bất thoái chuyển Từ “A-nậu”... đến thoái chuyển” được tương tự giải thoát bất thoái của Viên giáo, tức ngôi vị Thiết luân vương. Nếu thật sự không thoái chuyển là bậc Sơ trụ của Đồng luân. Vì phát tâm từ xa xưa nên ở vị ngũ phẩm bất định mà thôi. Hoặc là bất thoái của Thông giáo hay Biệt giáo chưa thể quyết định.

**Phần bảy**, Ngài Mãn Nguyên tự thẹn Từ “ngã niệm đến thuyết pháp”.

Vì không có chứng trí pháp nhãn nên không thấy được căn duyên đến nỗi bị sai cơ, há được xưng là nói pháp bậc nhất mà lại lầm nói pháp vô ích không lợi ích cho người, rất hổ thẹn sợ sệt, nên không kham lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.

\* Kết lời không kham. Tự nghĩ lúc xưa nói pháp sai cơ nên bị chê trách, nay đâu dám lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.

Sáu là Phật sai ngài Ma-ha Ca-chiên-diên. Văn có hai phần: Phật sai đi thăm bệnh; và đáp lời không kham.

- Sai đi thăm bệnh: Sở dĩ sai ngài kế tiếp vì ngài là luận nghĩa bậc nhất trong hàng đệ tử Phật. Ma-ha là Đại, Chiên-diên là họ, lấy họ đặt tên, lại dịch là Bất định. Có người nói là Vai lệch “kiên oai”. Có người gọi là Văn sức, chưa biết ai đúng. Như Sa-di Tu-đà-da mới tám tuổi mà biết luận nghĩa nên được thọ giới. Lại như mười tiên Phạm chí đều nhân luận nghĩa mà phát tâm vào đạo. Nên Đại kinh nói: Người ham luận nghĩa thì sinh lên ngũ Tịnh cư, ở cõi trời ấy mà nhập Niết-bàn. Xét đến cùng cho đến thành tựu năm thứ ích lợi, đã nói đủ ở chương ngài Thân Tử.



- Đáp lời không kham: Từ “Ca-chiên-diên” trở xuống. Văn có bốn:

1. Chính đáp lời không kham.
2. Nói lý do không kham.
3. Chính kể việc không kham.
4. Kết thành không kham.

\* Đáp lời không kham: Vì lúc xưa giải thích năm nghĩa mà bị chê trách không đáp được nên không kham việc truyền ý chỉ Như Lai.

\* Nói lý do không kham Từ “Sở dĩ” ... trở xuống. Do Phật lược nói pháp yếu cho các Tỳ-kheo, ta tiếp đó mà diễn giảng nghĩa lý đến nỗi bị chê trách. Văn có hai: a) Phật lược nói pháp yếu - b) Ca-chiên-diên sau đó giảng rộng ra. Phần a có bốn trường hợp là:

1. Danh tóm nghĩa rộng, tức giáo ít giải nghĩa nhiều.
2. Danh rộng nghĩa tóm, tức giáo nhiều giải nghĩa ít.
3. Danh nghĩa đều rộng, tức giáo nhiều giải nghĩa cũng nhiều.
4. Danh nghĩa đều tóm, tức giáo ít giải nghĩa cũng ít.

Nói về tổng tướng Khổ đế không cần giải thích nhiều, tức là danh nghĩa đều tóm. Nếu phân biệt về biệt tướng khổ đế thì có bốn hành, các thứ thí dụ giải thích tức là danh rộng nghĩa rộng. Nếu chỉ nói chung về năm hành mà giải thích các thứ, tức là danh tóm nghĩa rộng. Nếu nói đủ mười sáu hành, nhưng không phân biệt giải thích thì tức là danh rộng nghĩa tóm. Phật nói cho các Tỳ-kheo hoặc dùng tổng tướng lược nói Khổ đế mà không giải thích riêng, hoặc tóm tắt mười sáu hành tổng tướng mà nói năm hành, không rộng phân biệt Biệt tướng, tức là danh tóm nghĩa tóm, nên nói là lược nói.

Hỏi: Ngài Ca-chiên-diên rộng giải năm nghĩa của Phật, sao được dựa theo năm hạnh mà giải?

Đáp: Xét theo lý thì gọi là năm nghĩa, dựa theo trí thì gọi là năm hành, xét về định thì gọi là năm thiền, nghĩa chuyển đổi tương quan đều không trái khác nhau.

a) Nói pháp yếu: Vì năm hành tóm tắt các hành, ý chỉ quy về nhập đạo cao tột nên nói là pháp yếu. Vì sao? Vì mười sáu hành này gồm nhiếp tất cả hành. Nay lấy bốn thứ này, tức khổ... bốn hành duyên chung với Niệm xứ thì sinh ra Noãn pháp, tức là tương tự đạo cho đến Thượng nhãn Thế đệ nhất pháp, tùy dùng một hành mà được vào khổ nhãn, tức chân đạo vào sự đạo đầy đủ nên nói là pháp yếu. Lại năm hành này tức là ba pháp ấn. Ấn là kinh Thanh Văn. Vì sao? Vì Khổ hợp với vô thường, không hợp với vô ngã và được tịch diệt tức là ba



pháp ấn. Nên nói là pháp yếu. Lại năm hành này tức là ba giải thoát môn. Không, vô ngã là Không. Tịch diệt Niết-bàn tức là Vô tướng. Vô thường, khổ tức là Vô tác. Ba thoát môn này gồm nhiếp tất cả pháp, nên nói là pháp yếu.

b) Ngài Ca-chiên-diên nói rộng. “Ta ở sau giải bày nghĩa ấy”, tức là nói vô thường... năm thứ. Nói diễn bày ở sau, tức Phật vì các Tỳ-kheo mà nói tổng tướng khổ, hoặc nói ổng tướng năm thứ chính, cốt ý khiến họ hiểu mà tiến tu đạo nên không nói rộng phân biệt tướng, e trái cơ làm mất ý chánh đạo. Ngài Ca-chiên-diên cho là các Tỳ-kheo không hiểu nên sau đó diễn giảng rộng ra. Phu là kê khai, diễn là giảng rộng ra, tức giảng rộng về năm nghĩa. Lại giảng rộng có hai thứ: Một là, giảng rộng chiều ngang; hai là, giảng rộng chiều dọc.

- Giảng rộng về chiều ngang, tức trải qua ba cõi mỗi mỗi đều riêng nói năm nghĩa của Khổ đế.

Giảng rộng về chiều dọc, tức căn cứ theo thân biên hai kiến, bốn kiến, sáu mươi hai kiến, mỗi mỗi đều phân biệt nói về năm hành. Như thầy trò của Số luận sư.

Có phân tích kỹ về năm nghĩa thì chỉ giảng rộng chiều ngang chứ không thể vào đạo. Nay một nhà phân bày ngang dọc là cho vào đạo thì chỉ có ngài Chiên-diên thấy rõ có, không mà vào đạo, tạo ra luận Côn Lặc luận sáng nghĩa lý. Như nói Niệm xứ thì liền biết bốn diên đảo; nói ba độc liền biết ba Thánh hạnh, nói hữu liền biết vô. Nay vì các Tỳ-kheo ắt căn cứ vào luận đó mà dựa theo môn có, không, bao gồm hai biên, nói rộng năm nghĩa: Chỉ có Phật ở đời thì nói ra các điều không trái và không tranh cãi. Vào môn tuy khác nhưng được đạo vẫn là một. Ai có soạn ra luận thì chỉ nói về môn của mình không nói đến các pháp khác. Cho nên Đại kinh nói năm trăm Tỳ-kheo mỗi người đều nói nhân của mình, tức là việc này vậy. Ngài Chiên-diên tạo luận nếu không thông suốt bốn môn, Tam tạng giáo, phân biệt không trệ ngại, thì luận ấy đâu được truyền bá ở Nam Thiên Trúc. Tỳ-đàm hữu môn cho đến Phi không phi hữu môn đều nói năm nghĩa. Bốn môn nói nghĩa đều đầy đủ ở huyền văn, suy xét kỹ ở kinh thì bốn thứ năm nghĩa có thể thấy rõ ràng, nếu nói đủ e rườm.

Hỏi: Những gì là có, không gồm chứa năm tướng nghĩa?

Đáp: Như hai môn hữu và không vừa rồi, hai Sư phán quyết khác nhau rất xa. Nay luận Côn Lặc dễ dàng chấp nhận cho nhân hữu và vô đều được vào đạo, mà lại dùng đây rộng giảng năm nghĩa cho các Tỳ-kheo. Ngài Thanh Mục chú giải Trung Luận có nói: “Kể ít hữu ít vô mà

vào đạo là hàng độn căn.” E rằng sự dễ dàng này không quyết, phán là thuộc độn căn. Hoặc ngài Chiên-diên nhân đây mà chấp nhận giảng nói năm nghĩa không thể phán quyết khiến vào Đạo đến nỗi bị chê trách, tức lý do không kham.

Hỏi: Phật nói tóm tắt các Tỳ-kheo chưa hiểu, Ca-chiên-diên rộng giảng nói thì có lỗi gì. Nếu Phật dùng giáo Tam tạng giáo mà không hợp cơ thì lỗi này do Phật có liên quan gì đến Ca-chiên-diên?

Đáp: Ý Phật rất khó lường ẩn hiện có nhiều mối. Tuy lúc đầu dùng Tam tạng giáo để tiếp dẫn nhưng người vào đạo ắt dùng Diển môn của Thông giáo. Ấy là Như Lai quyền dụng năm nghĩa của Tam tạng giáo. Ngài Ca-chiên-diên không hiểu mà giảng rộng ra, đã không khiến các Tỳ-kheo tiến đạo, đến nỗi bị chê trách, nên nói là nguyên do.

\* Chính nói việc không kham “Thời Duy-ma-cật” trở xuống. Văn có ba:

- a) Trách lỗi tâm năng thuyết.
- b) Trách lỗi pháp sơ thuyết.
- c) Các Tỳ-kheo tâm được giải thoát.

Trách lỗi tâm năng thuyết: Hàng Tiểu thừa vào Chân không có nói năng, khi từ Chân xuất Tục thì có tâm có nói, ấy là dùng tâm sinh diệt mà nói pháp thật tướng. Đã là sinh diệt thì không gọi là thật tướng, há lại dùng tâm này mà nói thật tướng. Lại bốn nghĩa là sinh, tịch diệt là diệt. Như đây mà phân biệt thì không phải nói thật tướng. Lại khi xuất quán, tâm khởi là sinh, khi nhập quán tâm mất là diệt. Thật tướng không như thế, sao dùng tâm này mà nói pháp thật tướng. Lại ngài Chiên-diên nhân có, không mà nhập đạo. Lại căn cứ theo có, không mà nói năm nghĩa, thì sinh tức là hữu, diệt tức vô, sở thuyết đã là sinh diệt có, không thì năng thuyết tức phải như thế. Cho nên nói không dùng tâm hành sinh diệt mà nói pháp thật tướng. Lại bốn môn năm nghĩa của Thanh văn đều là quán tích pháp sinh diệt. Nên Trung luận có nói: Nếu vì hàng độn căn Thanh văn nói nhân duyên sinh diệt, tức nói pháp thật tướng. Vì sao? Vì Bát địa của Thông giáo trở lên thì Nhị đế song chiếu, tức chân mà nói. Bậc Sơ địa của Biệt giáo cả đạo và quán cùng song lưu, nói về tức tịnh, đều e là có giáo mà không có người. Chỉ có sơ tâm của Viên giáo tức tịnh mà nói như đàn Tu-la gọi là Không phải sinh diệt mà nói pháp thật tướng. Lại ngài Chiên-diên không những chỉ tâm quấy nói pháp mà cũng không biết cả căn duyên, các Tỳ-kheo này chỉ nhân Thông giáo khéo độ mà đắc đạo không cần nhờ Tam tạng giáo. Cho nên Đại sĩ trách ngài còn sinh diệt, không có sức định tuệ, không thấy

được cơ duyên của người khác, lầm nói năm nghĩa lòng vòng.

Trách lỗi pháp sở thuyết “Ca-chiên-diên đến tịch diệt nghĩa”. Sở dĩ trách là vì pháp ngài Ca-chiên-diên nói là vọng độ nên tâm các Tỳ-kheo không khai ngộ. Nay ngài Tịnh Danh nói cho pháp thể năm nghĩa, không phải chỉ thông suốt chân, mà cũng thông Trung đạo, các pháp rốt ráo không sinh không diệt. Ấy là nghĩa vô thường, tức Tam tạng giáo nói thô tế sinh diệt vô thường chỉ là vô thường, không phải nghĩa vô thường. Nếu hiểu rõ các pháp Không phải sinh không phải diệt mà chấp càng là sinh diệt, nên dùng bốn trường hợp để kiểm, sinh, hồi, đắc thì liền không có diệt, tức không sinh không diệt là nghĩa vô thường. Năm thọ ấm rỗng suốt không có chỗ khởi, là nghĩa của khổ. Tam tạng giáo nói thô tế năm ấm vọng chấp là có, nên thể của hữu tức là Không. Không thấy tướng khổ nên gọi là Không có chỗ khởi, tức là nghĩa của khổ. Các pháp rốt ráo không có, ấy là nghĩa của không, là Tam tạng giáo nói sinh và pháp hai không, đây chỉ là Không mà không phải là nghĩa của không. Đại thừa nói thể các pháp này tức là thật tướng xưa nay vốn vắng lặng vì vọng chấp là có nhân và pháp. Đã nói rốt ráo không có gì tức không cần phải phá bỏ. Nếu không có hữu để bỏ, thì đâu thể có không, tức rốt ráo không có gì, đó là nghĩa Chân không. Đối với ngã và vô ngã mà không hai, đó là nghĩa của vô ngã. Tam tạng giáo nói nhân vô ngã thì chỉ là vô ngã mà không phải là nghĩa của vô ngã. Đại thừa nói: Thật tướng Chân không xưa nay vốn không có ngã và vô ngã, vọng chấp là có, nên nói đối với vô ngã nếu không được ngã thì cũng không được vô ngã. Ngã cùng vô ngã xưa nay vốn không hai, không hai tức là vô tánh, tánh của vô tánh tức nghĩa chân vô ngã. Pháp xưa vốn không như thế thì nay tức không mất, ấy là nghĩa của tịch diệt. Tam tạng giáo nói: Đem có về không, nên gọi là tịch diệt Niết-bàn, chỉ là tịch diệt không phải là nghĩa của tịch diệt. Đại thừa nói các pháp xưa nay thường là tướng tịch diệt, tức Đại Niết-bàn, không thể còn diệt nữa, tức là nghĩa của chân tịch diệt. Mà phạm phu vọng thấy lưu động, Nhị thừa đối trị để diệt đi. Bồ-tát thể thấu suốt pháp vốn không phải thế, tức là lý chân đế tịch diệt, xưa nay vốn không có phiền não sinh tử, thì nay cũng không có nhân diệt, quả diệt tức Diệt đế Niết-bàn. Nếu thấy sinh diệt và Chân không lý chẳng hai, tức là nghĩa của chân diệt. Tam tạng giáo nói năm pháp danh nghĩa đều khác. Đại thừa nói năm pháp giả danh tuy khác, danh tự tức không, nghĩa nó là một. Đây là cách chung giải thích năm nghĩa. Đại thừa cũng tức là năm nghĩa Viên giáo vậy. Nếu pháp ngài Ca-chiên-diên do có, không chấp nhận mà nói năm nghĩa, phải nói

rằng: Các pháp rốt ráo không sinh không diệt là nghĩa vô thường, sao được có, không chấp nhận là nghĩa vô thường. Từ “phá” trở xuống bốn nghĩa, suy ra sẽ biết.

Hỏi: Trên nói ngài Ca-chiên-diên vì giảng số bốn vinh mà bị chê trách, nay Đại thừa nói năm nghĩa để kết bốn khổ ở trước, há là hiển bày vinh?

Đáp: Nếu phá chân mà nhập trung, kết chân thành khô, từ đó thành vinh. Như kinh Niết-bàn nói: Như hai chim cùng bay. Thường và vô thường đều đủ nghĩa chân vô thường, không được lìa thường, nên kinh này nói: “Đối với ngã và vô ngã mà không hai” tức là nghĩa chân vô ngã. Như trong Đại kinh nói: Ngã và vô ngã tánh nó không hai, tánh không hai tức là nghĩa chân ngã, tức là trong pháp vô ngã có chân ngã. Ngài Tịnh Danh kết chân nói bốn khô, ý là hiển bày vinh. Chính là ý giáo sinh tô Phương đẳng, ẩn hiện chưa rõ ràng, há được đồng ngay với Pháp Hoa, Niết-bàn.

c) Nói các Tỳ-kheo ngộ đạo Từ “thuyết thị ... giải thoát”. Các Tỳ-kheo này tất nhân sinh diệt mà điều tâm để được nhập vào vô sinh chánh đạo, ấy là vì lúc đầu Phật nói tóm tắt sinh diệt để điều phục tâm. Sau nhân ngài Tịnh Danh chê trách, ngài Chiên-diên mới bỏ sinh diệt, dùng năm nghĩa vô sinh xứng cơ mà nói, bèn vào đạo, tâm được giải thoát. Nhân nghe thể pháp nhập không mà được quả A-la-hán. Cho nên Đại Phẩm khen đức của A-la-hán có nói: “Tâm được giải thoát tốt, tuệ được giải thoát tốt” tức là tư duy thoát ba cõi, tâm được tại đủ tám giải thoát.

\* Kết thành không kham “Cho nên con không kham đến thăm bệnh”:

Ca-chiên-diên tự nghĩ thuở xưa vì các Tỳ-kheo rộng giảng năm nghĩa, bị ngài Tịnh Danh chê trách làm thính không đáp được, đâu thể lãnh lệnh truyền ý chỉ Phật nên từ chối không kham.

Bấy là Phật sai ngài Na-luật. Văn có hai: Phật sai thăm bệnh; và đáp lời không kham.

- Sai thăm bệnh: Sở dĩ sai A na luật tiếp, vì ngài có Thiên nhãn bậc nhất trong hàng đệ tử Phật. Ngài thuộc dòng Sát-lợi con vua Bạch Phạn. Hoặc gọi là A-ni-lư-đậu hoặc A-nâu-lầu-đà như tiếng Sở, Hạ không giống nhau. Hán dịch là Như ý hoặc Vô bản. Vì ở quá khứ đã cúng dường một bữa ăn cho một vị Bích-chi-Phật mà được chín mươi mốt kiếp ở trên trời. Khi làm người thì được vui như ý nên gọi là như ý. Từ đó đến nay không bị thiếu hụt nên gọi là vô bản. Ngài là em họ của

Phật. Khi mới vào đạo ngài ngủ nhiều nên bị quở trách. Nhân đó ngài không ngủ mà bị mù mắt. Ngài bạch Phật, thưa đủ mọi việc. Phật bảo: Ngủ là cho mắt ăn, như người bảy ngày không ăn tất chết, còn bảy ngày không ngủ thì mắt cũng hư không chữa trị được, vậy cần phải tu Thiên nhãn để nhìn thấy việc đời. Nhân đó ngài tu thiền mà được bốn đại tịnh sắc. Chỉ cần nửa phần quán thấy Đại thiên thế giới như trái cây trong lòng bàn tay. Nếu cả Tam tạng giáo Phật thì dùng toàn phần Thiên nhãn thấy suốt không ngăn ngại. Tuy không bằng Phật nhưng trong hàng Thanh văn thì ngài là bậc nhất tức là dùng Tác ý số để vào đạo như trên đã nói đủ. Nếu xét đến cùng cho đến đạo thành năm lợi ích trước như đã nói đủ trong chương ngài Thân Tử.

- Đáp lời không kham “A-na-luật” trở xuống. Văn có bốn phần:

- 1) Đáp lời không kham.
- 2) Nêu lý do không kham.
- 3) Chính kể việc bị chê trách.
- 4) Kết thành không kham.

\* Đáp lời không kham: Bởi vì thuở xưa có Phạm vương hỏi về Thiên nhãn, ngài đáp về sở đắc của mình đến nỗi bị chê trách mà không biết trả lời sao, nên nay không dám lãnh ý chỉ đến thăm bệnh.

\* Nêu lý do không kham. Văn lại có hai phần nhỏ:

- a) Phạm vương đến hỏi.
- b) A-na-luật đáp lời.

Phạm vương hỏi: Phạm vương chỉ là chúa thế giới thống ngự đại thiên có báo được Thiên nhãn cũng thấy được đại thiên. Có báo được Thiên nhãn thì không ai bằng Phạm vương. Phạm vương và quyến thuộc nghe ngài A-na-luật có Thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn, muốn biết hơn kém thế nào nên đến hỏi từ ta tức ... Mã-lặc-quả.

Na-luật đáp lời: Các Thanh văn khác được Thiên nhãn đều không ai thấy được đại thiên giới. Nên Đại luận có nói: Thiên nhãn của Đại La-hán chỉ thấy được tiểu thiên, Đại Bích-chi-Phật thì thấy được trăm thế giới Phật, chư Phật Như Lai thấy tất cả cõi Phật. Riêng Na-luật thấy được đại thiên, vì ngài riêng tu Tác ý số, nên ngài có Thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn. Việc thấy cùng Phạm vương hình như giống nhau, dụng đã không hơn nên ông ta không kính trọng đâu thế khiến ông phát tâm, đến nỗi bị Đại sĩ chê trách, tức là lý do không kham.

Hỏi: Nếu thế đâu có gì khác?

Đáp: Phạm vương được báo ở chỗ mình ở thì thấy được đại thiên, còn các nơi khác thì không thấy. Ngài Na-luật vì tu căn bản năm thứ

bốn thiền, tám sắc thanh tịnh... mà phát chân Thiên nhãn, tùy chỗ đến đều thấy được đại thiên, như xem trái cây trong bàn tay. Các La-hán tuy không thấy đại thiên nhưng tùy chỗ thấy như bóng theo hình. Lại Phạm vương chỉ thấy tổng tướng, thấy không rõ ràng. Na-luật thì thấy biệt tướng tất thấy rõ ràng. Cho đến các La-hán nhân tịnh thiền mà được, tức đều biệt tướng mà thấy nên thấy rõ ràng. Lại Thiên nhãn của Phạm vương là thông chứ không phải minh, còn Thiên nhãn của La-hán là thông cũng là minh, có khác như thế.

Hỏi: Thiên nhãn của Phạm vương thấy đại thiên cùng với nhục nhãn của Pháp Hoa có gì khác?

Đáp: Đại Luận có nói: Báo sinh Thiên nhãn là ở trên nhục nhãn. Thiên nhãn thì mở rộng, còn nhục nhãn thấy sắc nên thấy đại thiên. Đại Phẩm nói: Nhục nhãn của Bồ-tát thấy một trăm do-tuần cho đến cả đại thiên, quá đây thì dùng Thiên nhãn. Vì nhục nhãn cùng phong tướng trái nhau nên không nói thấy cõi khác. Nếu nhờ sức kinh Pháp Hoa thì nhục nhãn có thể thấy được tất cả pháp ở đại thiên, hàng Nhị thừa Tam tạng giáo có Thiên nhãn và tuệ nhãn, chỗ thấy sự lý còn không bằng, huống là chỗ thấy của Phạm vương mà bằng sao? Cho nên Đại kinh nói rằng: Người học Đại thừa tuy có nhục nhãn thì gọi là Phật nhãn, còn hàng Nhị thừa tuy có tuệ nhãn vẫn gọi là nhục nhãn. Vì tuệ nhãn thấy chân đoạn. Hoặc nên so cùng nhục nhãn của Viên giáo hoặc bằng hoặc kém. Nhục nhãn của Viên giáo gọi là Phật nhãn, vì tuy nó đầy đủ tánh phiền não nhưng hay biết được bí mật tạng của Như Lai.

\* Chính kể việc bị chê trách “Thời Duy-ma-cật trở xuống. Văn có năm phần nhỏ:

1. Hạch nạn.
  2. Na-luật bị khuấy phục.
  3. Phạm vương thưa hỏi.
  4. Tịnh Danh trả lời.
  5. Phạm vương và quyến thuộc phát tâm.
- Hạch nạn. Văn có hai:
- a) Song hạch.
  - b) Song nạn.

a) Song hạch. Công đức của La-hán có hai thứ hữu vi và vô vi. Hữu vi tức là mười trí, ba thứ Tam-muội, tam minh, lục thông; vô vi tức là tam giới kiến tứ đoạn xứ, vô sinh vô diệt. Thiên nhãn nếu thuộc hữu vi là thấy những thứ có tướng, nếu thuộc vô vi là thấy những thứ không tướng. Định nương vào đâu mà thấy được đại thiên.

Song kết nạn “Giả sử... hữu kiến”. Thiên nhân của Tịnh thiền đều thấy tướng có tạo tác sinh diệt, tuy cùng dùng sức của căn bản thiền có khác, nhưng đều là hữu vi, mới xem qua không khác, nên nói cùng đồng với năm thông của ngoại đạo. Nếu tướng vô tác tức là vô vi không phải có thấy, đây là dựa theo công đức vô vi mà kết nạn. Vô vi chính là chứng số duyên đã hết không còn chỗ duyên để thấy thì đâu thấy được đại thiên. Nếu vô vi còn có thấy thì đâu khác gì ngoại đạo. Đã không được có thấy đâu được nói thấy đại thiên. Nếu chấp hữu vi là thấy được đại thiên thứ này yếu kém đồng với Phạm vương, phàm Thánh đâu khác. Đã không hơn được thì đâu thể khiến Phạm vương phát tâm. Lỗi của Na-luật chính là ở đó. Vì sao? Vì Tam tạng giáo tích không chẳng được Trung đạo. Vào quán tức đồng với vô vi không thấy, ra quán lại đồng với hữu vi có thấy. Có lỗi như thế nên bị hạch sách khuất phục.

Na-luật chịu khuất phục “Bạch Thế Tôn! Con bấy giờ yên lặng”. Vì sao? Vì đối với việc hạch sách này không biết nói thế nào cho thông.

Phạm thiên thưa hỏi “Bỉ chư Phạm”. Văn có ba:

- a) Khen việc chưa từng có.
- b) Kính lễ.
- c) thỉnh hỏi.

Khen việc chưa từng có: Nghe ngài Na-luật trả lời, chưa biết là có khác, nay nghe Đại sĩ hạch sách thì Thiên nhân của Na-luật đã hồng mà Phạm vương cũng không thật, tức còn có một loại chân Thiên nhân nên sinh tâm chưa từng có.

Nói Phạm vương và quyến thuộc phát tâm kính lễ Từ “Tức vị tác lễ...” : Trong lòng phát ý cung kính cũng là lễ nghi thưa hỏi rằng trên đời ai là người có chân nhân.

Phạm vương thưa hỏi: Thiên nhân của ngài Na-luật và của mình không phải chân, vậy ắt có người được chân Thiên nhân, nên hỏi trên đời ai có.

Đại sĩ đáp “Duy-ma-cật..”: Văn có hai:

- a) Đáp có chân Thiên nhân.
- b) Luận về tướng chân Thiên nhân.

Người có chân Thiên nhân dùng thấy Trung đạo không có hai biên, giả gọi là chân Thiên nhân.

Hỏi: Không có hai biên giả gọi là chân tuệ nhân, sao gọi là Thiên nhân?

Đáp: Tức trung thấy sắc thì gọi là chân Thiên nhân.



Luận về tướng chân Thiên nhân Từ “Thường tại ... Nhị tướng”, tức thường ở trong các đại Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, cũng gọi là ở trong các hang sâu thiền định đại Bát-niết-bàn, cũng là tướng diệt định của tất cả chúng sinh. Thấy các Phật quốc, tịch mà thường thấy, như gương sáng và mặt nước trong thì muôn hình đều hiện rõ. Không dùng hai tướng mà thấy, tức không giống với Thiên nhân của Phạm vương ngoại đạo thấy tướng hữu vi có tạo tác, cũng không giống với Nhị thừa thấy vô vi thiên chân mịt mờ không thấy. Lại không dùng hai tướng, là Trung đạo chân Thiên nhân, không phải tướng Nhị đế mà thường khắp soi hai thứ sinh tử trong bốn cõi, chết đây sinh kia, y chánh báo đều hiện trong Vương Tam-muội, tức là chân Thiên nhân.

Hỏi: Thứ chân Thiên nhân này thuộc giáo nào?

Đáp: Không phải Thiên không phải Viên, mà Thiên Viên cùng thấy, tức là chân Thiên nhân thuộc Viên giáo.

Hỏi: Nếu Phật thấy Trung đạo thì gọi là Thiên nhân sao lại gọi là Phật nhân?

Đáp: Nay lấy chứng lý thì thấy mười phương cõi và thấy sắc thô tế của mười pháp giới thì gọi là Phật Thiên nhân. Viên thấy ba đế không hai, thì gọi là Phật nhân. Tùy nghĩa phân biệt năm nhãn rõ ràng. Nếu đã hiểu được ý sâu của Thiên nhân thì ngại gì bốn nhãn kia. Như Kim Cang Bát-nhã có nói: Nếu phân biệt đầy đủ khỏi luận các việc khác.

Phạm vương phát tâm. Văn có hai:

- a. Nói các Phạm vương phát tâm.
- b. Nói chí kính mà đi.

Phạm vương phát tâm: Trước nghe ngài A-na-luật nói thì không biết rõ được lý thật tướng, lại không có việc thấy tất cả cõi nước nên không khiến các Phạm vương phát tâm. Nay nghe Đại sĩ nói mới rõ chân lý sự việc rộng rõ hơn trước xứng hội căn duyên nên đều phát tâm. Tợ phát của Viên giáo tức là Thiết luân, còn chân phát tức là Đồng luân.

Chí kính: Phạm vương kính lễ ngài Duy-ma-cật rồi biến mất. Nên con không kham lãnh ý Phật đến thăm bệnh.

\* Kết thành không kham: Ngài Na-luật tự nghĩ thuở xưa đã nói cho Phạm thiên về Thiên nhân đến nỗi bị Đại sĩ chê trách mà không đối đáp được, đâu dám lãnh ý Phật đến thăm bệnh.

-----